

Số: 12 /2018/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí  
đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật cư trú ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cư trú ngày 20 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 1999 về Chứng minh nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 1999 về Chứng minh nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 106/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 1999 về Chứng minh nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 170/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị quyết số 42/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận về quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 68/TTr-CAT-PV11 ngày 18 tháng 01 năm 2018.*

## QUYẾT ĐỊNH:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

#### 2. Đối tượng áp dụng

##### a) Tổ chức thu lệ phí:

- Cơ quan thu lệ phí đăng ký cư trú gồm: Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm; Công an xã, phường, thị trấn.

- Cơ quan thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân gồm: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Công an tỉnh; Công an các huyện (trừ Công an thành phố Phan Rang - Tháp Chàm).

##### b) Đối tượng nộp lệ phí:

- Lệ phí đăng ký cư trú: Người đăng ký cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú, trừ các trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

- Lệ phí cấp chứng minh nhân dân: Người được cơ quan Công an cấp chứng minh nhân dân theo quy định của pháp luật về chứng minh nhân dân, trừ các trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

##### c) Các trường hợp miễn thu, không thu lệ phí

- Các trường hợp miễn thu lệ phí:

+ Bố, mẹ, vợ, chồng, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; con dưới 18 tuổi của thương binh.

+ Trẻ em (dưới 16 tuổi), người cao tuổi, người khuyết tật.

+ Hộ nghèo; đồng bào các dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

+ Người có công với cách mạng bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng.

+ Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.

+ Điều chỉnh các thay đổi trong chứng minh nhân dân khi Nhà nước quy định thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường phố, số nhà.

- Các trường hợp không thu lệ phí:

+ Điều chỉnh các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú khi có sai sót về thông tin trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú do lỗi của cơ quan đăng ký, quản lý cư trú.

+ Điều chỉnh các thay đổi trong chứng minh nhân dân khi có sai sót về thông tin trong chứng minh nhân dân do lỗi của cơ quan cấp chứng minh nhân dân.

## **Điều 2. Mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí**

### 1. Mức thu lệ phí:

| <b>TT</b> | <b>NỘI DUNG</b>   | <b>Mức thu tại các phường thuộc thành phố Phan Rang-Tháp Chàm</b> | <b>Mức thu tại các khu vực khác</b> |
|-----------|---|---|-------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Mức thu lệ phí đăng ký cư trú</b>  |   |                                     |
| 1         | Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú               | 20.000 đồng/lần đăng ký   | 10.000 đồng/lần đăng ký             |
| 2         | Cấp mới, cấp đổi, cấp lại sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân                                 | 20.000 đồng/lần cấp   | 10.000 đồng/lần cấp                 |
| 3         | Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú.   | 8.000 đồng/lần điều chỉnh   | 4.000 đồng/lần điều chỉnh           |
| 4         | Gia hạn tạm trú   | 10.000 đồng/lần gia hạn   | 5.000 đồng/lần gia hạn              |
| <b>II</b> | <b>Mức thu lệ phí cấp chứng minh nhân dân (Không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân)</b> |   |                                     |
|           | Cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi   | 9.000 đồng/lần cấp  | 4.000 đồng/lần cấp                  |

### 2. Chế độ thu, nộp lệ phí:

a) Tổ chức thu lệ phí nộp 100% tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước.

b) Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của cơ quan thu lệ phí theo quy định của pháp luật về chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước.

## **Điều 3. Quản lý và sử dụng lệ phí**

Lệ phí đăng ký cư trú, cấp chứng minh nhân dân được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị định số

120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể ngày từ ngày 04 tháng 02 năm 2018 và thay thế Quyết định số 56/2016/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Pháp chế và CCHC, TP - Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, TT TH-CB;
- Lưu: VT, NC. ĐDM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Bình**